ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1250/KH-UBND	*A Dơi, ngày 25 tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn xã A Dơi

Thực hiện Kế hoạch số 3997/KH-UBND ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Ủy ban nhân dân xã A Dơi ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo cuối năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 (gọi tắt là chuẩn nghèo 2022 - 2025) để đánh giá kết quả thực hiện năm 2026 và phục vụ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn trước.

- Rà soát, xác định, lập danh sách, tổng hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 (gọi tắt là chuẩn nghèo 2027 - 2030) trên địa bàn xã A Dơi để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 và giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn xã.

- Kết quả rà soát theo chuẩn nghèo 2027 - 2030 là căn cứ xác định đối tượng thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội từ ngày 01/01/2027.

2. Yêu cầu

- Tổ chức rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo bảo đảm đúng quy định, quy trình; kết quả khách quan, công khai, minh bạch; không bỏ sót hộ nghèo, hộ cận nghèo; không chạy theo thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương.

- Tổ chức song song 02 đợt rà soát nhưng phân biệt rõ ràng về mục tiêu, biểu mẫu và báo cáo.

- Mỗi cuộc rà soát sử dụng bộ tiêu chí, bộ công cụ, biểu mẫu, chế độ báo cáo riêng theo quy định; không sử dụng lẫn biểu mẫu giữa hai giai đoạn.

- Có sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể, sự tham gia của người dân.

II. CHUẨN NGHÈO

1. Chuẩn nghèo 2022 - 2025

a) Hộ nghèo: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Hộ cận nghèo: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Hộ có mức sống trung bình: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

2. Chuẩn nghèo 2027 - 2030

a) Hộ nghèo: là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Hộ cận nghèo: là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách đã được cấp có thẩm quyền xác nhận đến thời điểm rà soát (bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu năm 2026 và hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm 2026).

- Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng thoát nghèo; các hộ thuộc diện rà soát theo quy định của Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

2. Phạm vi rà soát: Thực hiện rà soát tại 06 thôn trên địa bàn xã.

IV. PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG NGHÈO ĐA CHIỀU

1. Đối với rà soát theo chuẩn nghèo 2022 - 2025

1.1 Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

Là phương pháp khảo sát, thu thập thông tin điền phiếu khảo sát của hộ gia đình để xác định thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo (trên cơ sở đăng ký của người dân, đề xuất của trưởng thôn và danh sách hộ nghèo, cận nghèo do UBND xã quản lý có đến thời điểm rà soát).

1.2. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát; không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

2. Đối với rà soát theo chuẩn nghèo 2027 - 2030

2.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình (sau đây gọi là điểm Đ) để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo

mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (sau đây gọi là số thiếu hụt TH) của hộ gia đình.

2.2. Điểm Đ được xác định từ Phiếu B1 tại Mẫu số 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; được quy đổi sang mức thu nhập bình quân đầu người như sau: 190 điểm khu vực nông thôn tương đương 2.200.000 đồng/người/tháng và 280 điểm khu vực đô thị tương đương 2.800.000 đồng/người/tháng.

2.3. Số thiếu hụt TH là tổng chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, được xác định từ Phiếu B2 tại Mẫu số 2.3 và Mục III Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

2.4. Công tác rà soát bảo đảm công khai, minh bạch trên cơ sở tổ chức họp dân để lấy ý kiến kết quả rà soát và mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện.

V. QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Rà soát theo chuẩn nghèo 2022 - 2025

(Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg)

1.1 Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm

** Bước 1. Chỉ đạo, tổ chức tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo*

a. Xác định, lập danh sách hộ thuộc diện rà soát

- Danh sách 1: gồm toàn bộ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có đến thời điểm rà soát.

- Danh sách 2: gồm các hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát theo mẫu quy định đã được người rà soát nhận diện nhanh (Phiếu A, Phụ lục II, Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH).

- Danh sách 3: các hộ vì lý do đặc biệt (không thể có Giấy đề nghị) do Trưởng thôn, người rà soát nhận diện đề xuất được Phòng Kinh tế xem xét đưa vào danh sách rà soát.

Tổng hợp danh sách 1, danh sách 2 và danh sách 3 thành danh sách hộ gia đình thuộc diện rà soát trên địa bàn (Mẫu tại Phụ lục 1, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH).

b. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

- Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn và người rà soát thu thập thông tin hộ gia đình, chấm điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

- Lập danh sách hộ nghèo, danh sách hộ cận nghèo.

- Lập danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

** Bước 2. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát*

a. Thành phần cuộc họp: Đại diện UBND xã, công chức được phân công tham mưu công tác giảm nghèo, Trưởng thôn (chủ trì cuộc họp), Bí thư chi bộ thôn, Bí thư chi đoàn, trưởng tổ chức các đoàn thể tại thôn, người rà soát và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát.

b. Nội dung cuộc họp: thông qua kết quả rà soát; ít nhất 50% số người tham dự họp thống nhất về kết quả chấm điểm, phân loại đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, Phòng Kinh tế tổ chức rà soát lại theo quy trình tại điểm b bước 2 và điểm a, điểm b bước 3 khoản 1, Mục V (Quy trình rà soát) của Kế hoạch này.

c. Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Phòng Kinh tế).

** Bước 3. Niêm yết, thông báo công khai*

a. Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo gồm: danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo qua rà soát ở những nơi người dân dễ tiếp cận nhất như: nhà sinh hoạt cộng đồng thôn; trụ sở UBND xã; thông báo trên hệ thống loa truyền thanh thôn trong thời gian 3 ngày làm việc.

b. Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát, trường hợp có khiếu nại của người dân, Phòng Kinh tế tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg trong thời gian không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra (theo trình tự công khai kết quả rà soát) trong thời gian 3 ngày làm việc.

c. Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Phòng Kinh tế tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã về danh sách sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

** Bước 4. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND cấp tỉnh:*

a. Chủ tịch UBND xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

b. Trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có ý kiến trả lời bằng văn bản.

** Bước 5. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo*

a. Chủ tịch UBND xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo phòng Kinh tế tham mưu quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg).

b. Sau khi có Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo Chủ tịch UBND xã kịp thời chỉ đạo phòng Kinh tế nhập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

1.2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm:

** Bước 1*. Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc Giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (theo Mẫu số 04 tại

Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg), nộp trực tiếp đến Chủ tịch UBND hoặc cán bộ phụ trách (tại trụ sở làm việc).

** Bước 2*. Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên: Phòng Kinh tế tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên theo quy trình quy định tại điểm b bước 2 và bước 3, bước 4 khoản 1 Mục V (Quy trình rà soát) của kế hoạch này.

** Bước 3*. Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày bắt đầu rà soát theo thời hạn quy định.

Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, phòng Kinh tế tham mưu trình Chủ tịch UBND xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Sau khi có Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, Chủ tịch UBND xã kịp thời chỉ đạo tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và nhập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

1.3. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

** Bước 1. Công tác chuẩn bị rà soát*

a. Tổ chức thông tin, tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác xác định hộ có mức sống trung bình theo chuẩn mới theo quy định của Chính phủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là cấp cơ sở để người dân biết thực hiện và giám sát thực hiện.

b. Hướng dẫn hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật cư trú làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg) nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch UBND xã (tại trụ sở làm việc).

** Bước 2. Tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình*

a. Chủ tịch UBND xã chỉ đạo Phòng Kinh tế tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình theo mẫu biểu hướng dẫn tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

b. Niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở xã trong thời gian 5 ngày làm việc, trường hợp có khiếu nại thì tổ chức phúc tra trong thời gian 3 ngày làm việc (quy trình, mẫu biểu thực hiện phúc tra theo hướng dẫn tại điểm a, bước 2, tổ chức xác định thu nhập hộ gia đình tại Kế hoạch này).

c. Quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, phòng Kinh tế tham mưu trình Chủ tịch UBND xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Rà soát theo chuẩn nghèo 2027 - 2030

(Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT)

2.1 Quy trình rà soát định kỳ hằng năm

Thời gian rà soát định kỳ hằng năm: từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện rà soát.

Bước 1. Lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát

Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, bao gồm:

a) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

a1) Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã tại thời điểm rà soát;

a2) Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

b) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã tại thời điểm rà soát.

Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

a) Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

b) Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

b1) Hộ nghèo: là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

b2) Hộ cận nghèo: là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

b3) Hộ có điểm Đ trên 190 điểm được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo;

b4) Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã.

c) Lập Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT đối với hộ gia đình đủ điều kiện sau phân loại.

Bước 3. Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm thông tư số 25/2026/TT-BNNMT

b) Thành phần cuộc họp: Trưởng thôn (chủ trì); đại diện Ủy ban nhân dân xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, một số hộ gia đình

cư trú trên địa bàn thôn.

c) Nội dung cuộc họp: lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định

Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã để chỉ đạo rà soát lại.

d) Kết quả cuộc họp gồm: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 01 biên bản gửi Ủy ban nhân dân xã, 01 biên bản Trưởng thôn.

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai

a) Niêm yết, thông báo công khai Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, Cổng thông tin điện tử xã và qua đài truyền thanh xã (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

b) Trong thời hạn niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và tại thôn.

c) Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, phòng Kinh tế tổng hợp Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận kết quả rà soát

Bước 5. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

a) Phòng Kinh tế tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm thông tư số 25/2026/TT-BNNMT bảo đảm quy định về thời gian rà soát; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT trước ngày 31 tháng 12 hằng năm. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và tại thôn.

2.2 Quy trình rà soát trong năm

Thời gian rà soát trong năm: từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8

hằng năm, trừ trường hợp đột xuất.

Bước 1. Lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát

Trên cơ sở đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm của hộ gia đình theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu A để rà soát, lập danh sách hộ gia đình thuộc Danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với hộ không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và hộ có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09; lập Danh sách rà soát hộ thoát nghèo đối với hộ có đề nghị rà soát, công nhận hộ thoát nghèo.

Bước 2. Thực hiện rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

a) Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

b) Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

b1) Hộ nghèo: là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

b2) Hộ cận nghèo: là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

b3) Hộ có điểm Đ trên 190 điểm được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo;

b4) Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã.

c) Lập Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT đối với hộ gia đình đủ điều kiện sau phân loại.

Bước 3. Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm thông tư số 25/2026/TT-BNNMT

b) Thành phần cuộc họp: Trưởng thôn (chủ trì); đại diện Ủy ban nhân dân xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, một số hộ gia đình cư trú trên địa bàn thôn.

c) Nội dung cuộc họp: lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định

Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ

trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã để chỉ đạo rà soát lại.

d) Kết quả cuộc họp gồm: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 01 biên bản gửi Ủy ban nhân dân xã, 01 biên bản Trưởng thôn.

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát, phân loại

a) Niêm yết, thông báo công khai Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, Cổng thông tin điện tử xã và qua đài truyền thanh xã (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

b) Trong thời hạn niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và tại thôn.

c) Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, phòng Kinh tế tổng hợp Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận kết quả rà soát

Bước 5. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

a) Phòng Kinh tế tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm thông tư số 25/2026/TT-BNNMT bảo đảm quy định về thời gian rà soát; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư số 25/2026/TT-BNNMT trước ngày 31 tháng 12 hằng năm. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và tại thôn.

VI. THỜI GIAN, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Rà soát định kỳ

- Ban hành Kế hoạch rà soát; phòng Kinh tế chủ trì, phân công người thực hiện rà soát theo quy định (hoàn thành trước ngày 25/8/2026).

- Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch rà soát; phối hợp tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát cho công chức được giao thực hiện công tác giảm nghèo và đội ngũ người rà soát (hoàn thành trước ngày 30/9/2026).

- Tổ chức tuyên truyền về công tác rà soát (trong suốt thời gian rà soát).

- Chỉ đạo, kiểm tra công tác rà soát; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại (nếu có); tổ chức rà soát lại/phúc tra kết quả khi cần thiết theo thẩm quyền trong suốt thời gian rà soát.

- Tổ chức rà soát và thực hiện các thủ tục công nhận hộ nghèo, tổng hợp báo cáo theo phụ lục đính kèm văn bản.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống https://csdlhn.mae.gov.vn (trước ngày 15/01/2027)

2. Rà soát trong năm

- Từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/8 hằng năm (nếu có giấy đề nghị của hộ gia đình). Trước ngày 05 hằng tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả rà soát (nếu có phát sinh).

- Trường hợp đột xuất (xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác; phát sinh từ ngày 15 tháng 12 đến hết ngày 31 tháng 12) thì thời gian rà soát, danh sách hộ gia đình cần rà soát do người thực hiện rà soát đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định. UBND xã thực hiện chế độ báo cáo đối với các trường hợp này theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trước ngày 10 hằng tháng, cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống https://csdlhn.mae.gov.vn (nếu có phát sinh).

(có phụ lục I kèm theo)

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 do Ủy ban nhân dân xã cân đối, bố trí ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

VIII. BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Phụ lục II kèm theo Kế hoạch)

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban, ngành, cơ quan đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện Kế hoạch này; người đứng đầu phòng, ban, ngành, cơ quan đơn vị chịu trách nhiệm cử cán bộ đại diện cùng thành phần đã được cử tham gia Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã A Dơi tại Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND xã A Dơi và các thành phần trong bảng phân công nhiệm vụ tại phần VII Kế hoạch này tham gia thực hiện nhiệm vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã.

2. Phòng Kinh tế xã

- Rà soát, chuẩn hóa danh sách hộ dân cư, danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đang quản lý và các hộ có giấy đề nghị rà soát.

- Xây dựng bảng phân công địa bàn và người thực hiện rà soát cụ thể đến từng thôn, bản, tổ dân phố, nhằm thực hiện tốt Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội, trưởng thôn và các tổ chức cá nhân có liên quan tổ chức rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo đúng quy trình, phương

pháp quy định; bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phản ánh đúng thực trạng đời sống của người dân.

- Tổ chức lực lượng, người rà soát thực hiện công tác rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo quy trình, phương pháp đã được hướng dẫn, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, phản ánh sát tình hình thực tế đời sống của nhân dân.

- Phối hợp tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát; cung cấp tài liệu rà soát, các biểu mẫu, các loại phiếu để phục vụ cho công tác rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Tổ chức rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn theo 02 chuẩn nghèo.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát; tổng hợp kết quả rà soát tham mưu UBND báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng thời gian quy định.

- Tham mưu Chủ tịch UBND xã ban hành quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo; cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2027; Quyết định công nhận và danh sách kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử xã và niêm yết công khai theo quy định.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Cập nhật đầy đủ kết quả rà soát lên Hệ thống cơ sở dữ liệu hộ nghèo tại địa chỉ https://csdlhn.mae.gov.vn đúng thời gian quy định.

- Xây dựng dự toán, tham mưu UBND xã bố trí kinh phí tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ để phục vụ tốt công tác rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn theo Kế hoạch.

3. Công an xã

Phối hợp với phòng Kinh tế trong việc kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin về tổng số hộ, nhân khẩu, nơi cư trú, biến động dân cư của hộ gia đình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tính tỷ lệ phần trăm so với toàn xã; phối hợp xử lý các trường hợp có thông tin chưa thống nhất theo đề nghị của Chủ tịch UBND xã, góp phần bảo đảm kết quả rà soát khách quan, chính xác và thống nhất với dữ liệu dân cư.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

Cung cấp thông tin về tổng số hộ và nhân khẩu dân tộc thiểu số trên địa bàn, để tính tỷ lệ phần trăm so với toàn xã, cũng như số hộ nghèo và hộ cận nghèo là người dân tộc thiểu số trên địa bàn.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Tổ chức tuyên truyền rộng rãi về tổ chức tuyên truyền, phổ biến mục đích, yêu cầu của việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ và hằng năm trên đài truyền thanh xã, loa phát thanh thôn... để người dân biết để thực hiện và giám sát thực hiện.

6. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - Xã hội xã

Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; đồng thời tổ chức

giám sát chặt chẽ, bảo đảm quá trình rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định.

7. Trưởng thôn các thôn

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo tại thôn.

- Tạo mọi điều kiện cho điều tra viên triển khai công tác điều tra đạt kết quả tốt.

- Căn cứ Kế hoạch rà soát của Ủy ban nhân dân xã để triển khai, văn bản hướng dẫn của các ngành chuyên môn thực hiện rà soát tại thôn theo đúng quy định. Việc tổ chức thực hiện phải nghiêm túc, đúng tiến độ, đảm bảo tính chính xác, khách quan. Trưởng các thôn chịu trách nhiệm toàn diện nếu để xảy ra tình trạng công nhận sai đối tượng hoặc số liệu kết quả rà soát không chính xác. Kiên quyết loại khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về UBND xã (qua phòng Kinh tế xã) để được hướng dẫn.

Trên đây là Kế hoạch rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn xã A Dơi, UBND xã yêu cầu Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã, Phòng Kinh tế, các cơ quan, đơn vị liên quan Trưởng thôn và điều tra viên triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp & Môi trường (b/c);
- TT Đảng ủy xã; TT HĐND xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN và các TCCT - XH xã;
- Công an xã;
- Các phòng: Kinh tế; Văn hóa - Xã hội xã;
- CVP, PCVP, CV;
- TT Dịch vụ tổng hợp xã;
- Trạm y tế xã;
- Trưởng thôn;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Văn Ngoai

Phụ lục I

KẾ HOẠCH RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Uỷ ban nhân dân xã A Dơi)

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành
I	**Rà soát theo chuẩn nghèo 2022 - 2025**	
1	Tổ chức soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại hộ dân	Hoàn thành trước ngày 15/10/2026
2	Tổng hợp kết quả rà soát sơ bộ và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thành trước ngày 25/10/2026
3	Tổ chức họp thông qua kết quả rà soát; niêm yết công khai kết quả rà soát tại Nhà văn hóa cộng đồng, trụ sở UBND cấp xã, trên các phương tiện truyền thanh	Hoàn thành trước ngày 01/11/2026
4	Tổng hợp báo cáo, xin ý kiến UBND cấp tỉnh về kết quả rà soát (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Hoàn thành trước ngày 10/11/2026
5	Tổng hợp kết quả rà soát và báo cáo chính thức Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thành trước ngày 15/11/2026
6	Ban hành Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026	Hoàn thành trước ngày 30/11/2026
II	**Rà soát theo chuẩn nghèo 2027 - 2030**	
1	Tổ chức soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại hộ dân	Hoàn thành trước ngày 20/10/2026
2	Tổng hợp kết quả rà soát sơ bộ và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thành trước ngày 30/10/2026
3	Tổ chức họp thông qua kết quả rà soát; niêm yết công khai kết quả rà soát tại Nhà văn hóa cộng đồng, trụ sở UBND cấp xã, trên các phương tiện truyền thanh	Hoàn thành trước 10/11/2026
4	Tổng hợp kết quả rà soát chính thưc và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thành trước ngày 25/11/2026
5	Ban hành các Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo	Hoàn thành trước ngày 10/12/2026
6	Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026	Hoàn thành trước ngày 31/12/2026
7	Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống https: //csdlhn.mae.gov.vn	Hoàn thành trước ngày 15/01/2027

PHỤ LỤC II
BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ A DƠI

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã A Dơi)

STT	Cán bộ phụ trách	Địa bàn phụ trách
1	Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách lĩnh vực Kinh tế	Chỉ đạo, điều hành chung
2	Trưởng phòng Kinh tế	Tham mưu Lãnh đạo UBND xã công tác chỉ đạo, điều hành chung, đôn đốc thực hiện Kế hoạch.
3	Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội	Chỉ đạo, đôn đốc về công tác dân tộc thiểu số để biết tỷ lệ % hộ nghèo, hộ cận nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn xã
4	Chủ tịch UBMTTQ xã	Tham gia chỉ đạo, giám sát chung; phân công đại diện UBMTTQ xã tham gia họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát
5	Chuyên viên phòng Kinh tế phụ trách lĩnh vực giảm nghèo	Phụ trách hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo; cung cấp danh sách, biểu mẫu, phiếu điều tra, tổng hợp các thôn.
6	Đại diện Công an xã	Kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin về tổng số hộ, nhân khẩu, thông tin nơi cư trú, biến động dân cư của hộ gia đình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
7	Trung Dịch vụ tổng hợp phụ trách lĩnh vực tuyên truyền	Thực hiện công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến mục đích, yêu cầu của việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ và hằng năm.
8	Chuyên viên VP HĐND và UBND xã phụ trách lĩnh vực	Thôn Ba Tầng
9	Chuyên viên Phòng VH - XH xã phụ trách lĩnh vực	Thôn Xy
10	Chủ tịch Hội CCB xã	Thôn A Dơi Cô
11	Bí thư xã Đoàn	Thôn A Dơi Đớ
12	Chủ tịch Hội Nông dân xã	Thôn Măng Sông
13	Chủ tịch Hội LHPN xã	Thôn Trùm
14	Kế toán xã	Theo dõi, tham mưu cân đối ngân sách hỗ trợ
15	Đại diện trạm y tế xã A Dơi (03 cán bộ)	Rà soát, xác minh hộ nghèo, hộ cận nghèo do bệnh tật, trẻ suy dinh dưỡng, phụ trách Ba Tầng (cũ), A

		Dơi (cũ), Xy (cũ)
16	Đại diện cơ quan thống kê Hướng Hóa	Hỗ trợ số liệu, giám sát trong quá trình rà soát
17	Đại diện ngân hàng CSXH Hướng Hóa	Phối hợp về cung cấp thông tin về vay vốn chính sách
18	Trưởng thôn trên địa bàn	Tổ trưởng rà soát tại thôn và trực tiếp điều hành điều tra tại hộ gia đình ở địa bàn thôn